

Số: 5574 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2022-2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2022-2023 đối với **08** Chiến sĩ thi đua cơ sở và **231** Lao động tiên tiến thuộc quỹ lương của đơn vị có tên trong danh sách kèm.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cá nhân được thưởng mức tiền thưởng là 1.800.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 540.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị.

Tổng số tiền thưởng là **139.140.000** đồng

Bằng chữ: Một trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB, PVD(10).



Nguyễn Thị Lan

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DO ĐƠN VỊ CHI TRẢ LƯƠNG
ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số **5574** /QĐ-HVN ngày 09 tháng 10 năm 2023
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lê Thanh	Lương	1	Rau Hoa Quả và Cảnh quan	540,000	
2	Vũ Thị	Hạnh	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	540,000	
3	Nguyễn Hoàng	Phương	1	TT Nghiên cứu và PT giống Rau chất lượng cao	540,000	
4	Bùi Thị Hồng	Hà	1	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ	540,000	
5	Trần Thị	Hiên	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	540,000	
6	Đinh Mai Thùy	Linh	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	540,000	
7	Bùi Hồng	Nhung	1	TT Nghiên cứu cây trồng Việt Nam và Nhật Bản	540,000	
8	Nguyễn Thái	Anh	2	Di truyền Giống gia súc	540,000	
9	Trịnh Thế	Hưng	2	Di truyền Giống gia súc	540,000	
10	Nguyễn Văn	Duy	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	540,000	
11	Nguyễn Thị	Nga	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	540,000	
12	Phan Đăng	Thắng	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	540,000	
13	Lê Thị Hồng	Vân	2	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành PTNT	540,000	
14	Ninh Xuân	Trung	5	Phân tích định lượng	540,000	
15	Phạm Thị Tô	Diệu	5	Phân tích định lượng	540,000	
16	Đỗ Huy	Hùng	5	Phân tích định lượng	540,000	
17	Phạm Kiều	My	5	Phân tích định lượng	540,000	
18	Trương Thị Cẩm	Anh	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
19	Tô Lan	Anh	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
20	Vũ Thị Mỹ	Huệ	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
21	Nguyễn Thị Thu	Huyền	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
22	Lê Phương	Thảo	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
23	Vũ Tiến	Vượng	5	Kế hoạch và Đầu tư	540,000	
24	Trương Ngọc	Tín	7	Quản lý du lịch và Lễ hành	540,000	
25	Bùi Thị Hồng	Tân	8	Văn phòng Khoa CNTP	540,000	
26	Nguyễn Thị Phương	Anh	8	Phòng TN trung tâm KH và CNTP	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
27	Trần Thị	Chi	9	Ngoại sản	540,000	
28	Tạ Thị Hồng	Quyên	9	Ngoại sản	540,000	
29	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	9	Ngoại sản	540,000	
30	Nguyễn Thị Thu	Hiền	9	Ngoại sản	540,000	
31	Vũ Minh	Lâm	9	Ngoại sản	540,000	
32	Vũ Hải	Yến	9	Ngoại sản	540,000	
33	Nguyễn Thị	Lụa	9	Bệnh lý thú y	540,000	
34	Vũ Văn	Dũng	9	Bệnh viện Thú y	540,000	
35	Nguyễn Thị	Hương	9	Bệnh viện Thú y	540,000	
36	Nguyễn Thị Thanh	Hương	9	Bệnh viện Thú y	540,000	
37	Vũ Thị	ánh	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
38	Lại Thu	Hằng	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
39	Trần Thị	Hiệp	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
40	Nguyễn Thị Thu	Hương	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
41	Đỗ Thùy	Linh	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
42	Lê Thị	Luyên	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
43	Hoàng Thị	Phương	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
44	Trần Danh	Son	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
45	Nguyễn Hồng	Thu	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
46	Lê Thị	Trang	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
47	Nguyễn Anh	Tuấn	9	Phòng Thí nghiệm trọng điểm CNSH thú y	540,000	
48	Nguyễn Mai	Liên	12	Công nghệ sinh học động vật	540,000	
49	Dương Văn	Hoàn	12	Công nghệ vi sinh	540,000	
50	Nguyễn Thị	Thu	12	Công nghệ vi sinh	540,000	
51	Tạ Hà	Trang	12	Công nghệ vi sinh	540,000	
52	Phạm Lê Anh	Minh	12	Công nghệ vi sinh	540,000	
53	Phương Hữu	Pha	12	Sinh học	540,000	
54	Phan Hữu	Hiền	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	540,000	
55	Nguyễn Thị	Liễu	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	540,000	
56	Phạm Đình	ồn	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	540,000	
57	Phan Thanh	Tùng	12	TT Bảo tồn và Phát triển nguồn gen cây trồng	540,000	
58	Hoàng Thị	Quế	14	Nuôi trồng thủy sản	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
59	Ngô Phú	Thỏa	14	Nuôi trồng thủy sản	540,000	
60	Lê Thị Cẩm	Vân	14	Nuôi trồng thủy sản	540,000	
61	Kim Minh	Anh	14	Môi trường và Bệnh thủy sản	540,000	
62	Đặng Thị	Hóa	14	Môi trường và Bệnh thủy sản	540,000	
63	Đỗ Thị Ngọc	Anh	14	Định dưỡng và Thức ăn thủy sản	540,000	
64	Vũ Mạnh	Hướng	25	Đội Bảo vệ	540,000	
65	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
66	Nguyễn Trung	Đức	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
67	Nguyễn Thị Kim	Dung	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
68	Trần Thị	Huyền	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
69	Lê Văn	Thành	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
70	Phạm Thị Ngọc	Yến	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
71	Trần Thị Thanh	Hà	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
72	Phạm Thị	Hạnh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
73	Vũ Thị Bích	Hạnh	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
74	Đàm Ngọc	Hiên	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
75	Nguyễn Văn	Mười	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
76	Vũ Thị Bích	Ngọc	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
77	Đỗ Thị	Thi	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
78	Nguyễn Thị	Thu	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
79	Vũ Hồng	Tiến	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
80	Nguyễn Thanh	Tùng	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
81	Đoàn Thị	Yến	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	540,000	
82	Đinh Văn	Thắng	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
83	Vũ Ngọc	Anh	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
84	Đỗ Văn	Chinh	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
85	Phạm Minh	Chính	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
86	Lê Thanh	Hà	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
87	Bùi Thị Thanh	Hào	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
88	Đỗ Tài	Hiền	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
89	Đặng Trung	Son	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
90	Chu Thị	Thắm	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
91	Nguyễn Văn	Tuyến	42	Viện Kinh tế và Phát triển	540,000	
92	Vũ Tiến	Dũng	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
93	Lương Văn	Hưng	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
94	Nguyễn Thị	Son	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
95	Phạm Thị	Hải	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
96	Đinh Thị Thanh	Hiếu	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
97	Nguyễn Thị	Liên	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
98	Nguyễn Thị	Sen	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
99	Nguyễn Thị	Thủy	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
100	Nguyễn Mạnh	Tiến	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
101	Phạm Văn	Tuân	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
102	Nguyễn Thị	Việt	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	540,000	
103	Bùi Tuấn	Anh	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
104	Bùi Quang	Nguyên	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
105	Đỗ Huy	Thiệp	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
106	Phạm Đức	Thịnh	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
107	Phạm Thị Hồng	Vân	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
108	Đỗ Quang	Việt	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
109	Đặng Thị	Hoan	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
110	Lê Thanh	Huyền	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
111	Bạch Lan	Phương	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
112	Nguyễn Hương	Thảo	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thẻ chế nông nghiệp	540,000	
113	Lê Đình	Duẩn	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
114	Nguyễn Ngọc	Dũng	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
115	Lê Thị	Hiền	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
116	Hà Thị Thu	Hương	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
117	Trương Anh	Minh	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
118	Nguyễn Thị	Ngân	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
119	Bùi Thị Hồng	Thơm	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
120	Nguyễn Lê	Thu	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
121	Đinh Nguyệt	Thu	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
122	Phạm Văn	Tuyền	46	Viện Sinh vật cảnh	540,000	
123	Nguyễn Thị Thu	Hoa	47	Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm	540,000	
124	Vũ Lê Diệu	Hương	47	Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm	540,000	
125	Nguyễn Thị Lan	Hương	47	Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm	540,000	
126	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	47	Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm	540,000	
127	Trần Phương	Thảo	47	Viện Nghiên cứu Vi tảo và Dược mỹ phẩm	540,000	
128	Hà	Giang	48	Bệnh viện Cây trồng	540,000	
129	Trần Thị Như	Hoa	48	Bệnh viện Cây trồng	540,000	
130	Nguyễn Thu	Huyền	48	Bệnh viện Cây trồng	540,000	
131	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	48	Bệnh viện Cây trồng	540,000	
132	Phạm Văn	Chính	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	540,000	
133	Vũ Xuân	Hải	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	540,000	
134	Phạm Thị	Hào	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	540,000	
135	Nguyễn Thế	Thập	51	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	540,000	
136	Lê Thị Lan	Anh	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
137	Hoàng Lê	Hường	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
138	Nguyễn Khắc	Huy	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
139	Nguyễn Sỹ	Thành	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
140	Nguyễn Văn	Thịnh	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
141	Trần Thị	Thoa	52	TT Tư vấn KHCN Tài nguyên môi trường	540,000	
142	Trần Thị Lan	Hương	53	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp	540,000	
143	Tôn Thị Minh	Khánh	53	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp	540,000	
144	Đào Minh	Nguyệt	53	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp	540,000	
145	Nguyễn Hữu Cao	Cường	57	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên Đất và Môi trường	540,000	
146	Lê Quang	Huy	57	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên Đất và Môi trường	540,000	
147	Ngô Thị Cà	Liên	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
148	Nguyễn Tài	Linh	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
149	Thân Thị	Loan	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
150	Nguyễn Thị	Thắm	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
151	Phạm Công	Đạt	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
152	Phạm Thị	Hà	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
153	Trịnh Thị Minh	Hằng	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
154	Nguyễn Bá	Hoạt	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
155	Nguyễn Đức	Lương	58	Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh	540,000	
156	Nguyễn Thị	Mơ	59	Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	540,000	
157	Nguyễn Hồng	Ngọc	59	Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	540,000	
158	Ngô Chí	Quyền	59	Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	540,000	
159	Trần Cẩm	Tú	59	Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	540,000	
160	Phạm Thị Ngọc	Tú	59	Viện Nghiên cứu và Phát triển nấm ăn, nấm dược liệu	540,000	
161	Phạm Thị Kim	Cúc	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	540,000	
162	Nguyễn Xuân	Đài	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	540,000	
163	Đặng Thị Thu	Hằng	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	540,000	
164	Nguyễn Diệu	Hương	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	540,000	
165	Phan Thị Diệu	Ninh	62	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực	540,000	
166	Long Thị	Hoài	63	Trung tâm Đổi mới sáng tạo nông nghiệp	540,000	
167	Nguyễn Thị	Thủy	63	Trung tâm Đổi mới sáng tạo nông nghiệp	540,000	
168	Nguyễn Thị	Thắm	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	540,000	
169	Trần Văn	Toàn	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	540,000	
170	Nguyễn Thị Lan	Anh	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	540,000	
171	Cao Hải	Nam	64	TT Nghiên cứu Ong và Nuôi ong nhiệt đới	540,000	
172	Nguyễn Thị Vân	Anh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
173	Nguyễn Thanh	Bình	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
174	Nguyễn Duy	Chinh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
175	Trần Đức	Đoàn	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
176	Đinh Thị	Hà	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
177	Trần Thị Thùy	Linh	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
178	Phùng Đức	Lực	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
179	Hoàng Ngọc	Thái	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
180	Trần Thị Hoài	Thu	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
181	Lê Thị	Thủy	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
182	Lê Văn	Tiến	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	
183	Nguyễn Thị	Toàn	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
184	Trần Diệu	Anh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
185	Nguyễn Xuân	Bình	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
186	Đặng Thanh	Bình	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
187	Phạm Đình	Chiêu	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
188	Nguyễn Tiến	Đạt	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
189	Phạm Trung	Đông	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
190	Lê Văn	Dũng	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
191	Nguyễn Bá	Duy	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
192	Lê Thanh	Hải	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
193	Lê Thị	Hồng	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
194	Phan Văn	Hùng	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
195	Từ Văn	Kiệm	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
196	Phạm Bảo	Linh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
197	Phạm Hữu	Lộc	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
198	Trần Thị Liên	Minh	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
199	Nguyễn Thành	Nam	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
200	Lê Thị Thu	Ngà	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
201	Lê Thị	Tâm	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
202	Nguyễn Huy	Thái	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
203	Đỗ Mạnh	Trường	66	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe	540,000	
204	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	68	Trung tâm Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	540,000	
205	Nguyễn Thị Huyền	Trang	68	Trung tâm Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	540,000	
206	Nguyễn Thị	Hoàn	68	Trung tâm Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	540,000	
207	Nguyễn Thị	Lan	68	Trung tâm Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	540,000	
208	Nguyễn Thị	Quỳnh	68	Trung tâm Tin học Học viện Nông nghiệp Việt Nam	540,000	
209	Nguyễn Thị Thu	Huyền	69	Trung tâm Đào tạo kỹ năng mềm	540,000	
210	Lê Thị Quỳnh	Trang	69	Trung tâm Đào tạo kỹ năng mềm	540,000	
211	Mai Văn	Anh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
212	Vũ Ngọc	Bách	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
213	Ngô Đăng	Giáp	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
214	Nguyễn Thu	Hà	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
215	Tạ Hồng	Hạnh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
216	Nguyễn Thị Ngân	Hạnh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
217	Ngô Văn	Hiếu	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
218	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
219	Phan Văn	Hồng	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
220	Trương Thị	Hường	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
221	Nguyễn Thị	Liên	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
222	Trần Đức	Nam	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
223	Hoàng Thị	Như	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
224	Nguyễn Đình	Phóng	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
225	Phạm Thế	Phương	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
226	Mạc Thị	Phượng	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
227	Hoàng Văn	Thao	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
228	Nguyễn Thị Minh	Thúy	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
229	Nguyễn Thanh	Thùy	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
230	Nguyễn Duy	Vỹ	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
231	Nguyễn Thị	Yến	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	540,000	
Cộng					124,740,000	

Bảng chữ:

Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng./.

Pho2

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG DO ĐƠN VỊ CHI TRẢ LƯƠNG
ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số **5574** /QĐ-HVN ngày 09 tháng 10 năm 2023
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Hà	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,800,000	
2	Vũ Văn	Quang	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,800,000	
3	Phạm Quang	Tuân	41	Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng	1,800,000	
4	Đỗ Thị Hương	Loan	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,800,000	
5	Nguyễn Xuân	Trường	44	Viện Sinh học Nông nghiệp	1,800,000	
6	Ngô Sỹ	Đạt	45	Viện Nghiên cứu Thị trường và Thử chế nông nghiệp	1,800,000	
7	Trịnh Tuấn	Anh	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	1,800,000	
8	Vũ Thị	Hoài	71	Cty TNHH MTV Đầu tư PT và DV Học viện NN VN	1,800,000	
Cộng					14,400,000	

Bằng chữ:

Mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng./.

(Chữ ký)